



CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Công ty.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103006943 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 06 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 số 0305020995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 7 năm 2020.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Đăng Tiến (*)	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 27/5/2020)
Ông Lê Chí Long (**)	Chủ tịch (bổ nhiệm từ ngày 28/5/2020)
Ông Đỗ Anh Ngọc	Thành viên
Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 27/5/2020)

(*) Ông Hoàng Đăng Tiến thôi giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty vào ngày 27/5/2020 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 03/NQ-VNTB ngày 27/5/2020.

(**) Ông Lê Chí Long được bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty vào ngày 28/5/2020 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/NQ-VNTB ngày 28/5/2020.

Ban Kiểm soát

Ông Đỗ Văn Chiến	Trưởng ban
Ông Quảng Thanh Bình	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Lê Chí Long - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính giữa niên độ kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

4. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Công ty.

5. Sự kiện quan trọng phát sinh sau kỳ tài chính

Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 (Được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) đã ra Nghị quyết số 08/NQ-VNTB ngày 28/7/2020. Theo đó, đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc thay đổi trụ sở chính của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba về địa chỉ số nhà 24, ngách 1, ngõ 46, đường Phạm Ngọc Thạch, phường Phương Liên, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VINA TA BA

Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

6. Công bố trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chủ tịch Hội đồng quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Chủ tịch Hội đồng quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 32, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cùng với bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



LÊ CHÍ LONG

Chủ tịch Hội đồng quản trị
TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2020



Số: 018/2020/BCSX-HT.00099

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 07 tháng 8 năm 2020, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba cho kỳ tài chính giữa niên độ kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Mục 4.1 của Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, kể từ Quy 3/2019 và cho đến thời điểm hiện tại, Công ty đã tạm ngừng hoạt động kinh doanh thuộc lá vì không có nguồn hàng phù hợp và hoạt động kinh doanh không hiệu quả, nhân sự trong Công ty cũng có sự thay đổi lớn. Do đó, kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 Công ty không phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Công ty đang tập trung tái cấu trúc, tiếp tục thực hiện đầu tư tài chính, tìm kiếm các đối tác phù hợp nhằm chuyển đổi chiến lược kinh doanh của Công ty. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty tin tưởng rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động tối thiểu trong 12 tháng tới. Theo đó, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Ý kiến của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 16 tháng 3 năm 2020.



NGUYỄN TRUNG THÀNH

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 1673-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020	01/01/2020
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.412.114.224	53.553.459.631
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.196.702.782	1.460.231.514
Tiền	111		165.538.398	460.231.514
Các khoản tương đương tiền	112		3.031.164.384	1.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		125.095.168	49.333.423.565
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	8.250.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		100.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	25.095.168	49.325.173.565
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Hàng tồn kho	140		-	-
Hàng tồn kho	141		-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		90.316.274	2.759.804.552
Thuế GTGT được khấu trừ	152		90.316.274	30.792.677
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.8	-	2.729.011.875
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		114.027.698.143	65.029.256.023
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		756.557.475	861.367.029
Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	756.557.475	861.367.029
- Nguyên giá	222		1.467.809.091	1.565.802.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(711.251.616)	(704.435.471)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	95.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(95.000.000)
Bất động sản đầu tư	230	5.6	7.392.351.066	7.461.614.898
- Nguyên giá	231		8.027.593.669	8.027.593.669
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(635.242.603)	(565.978.771)
Tài sản dở dang dài hạn	240	5.4	4.877.385.200	4.877.385.200
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.877.385.200	4.877.385.200
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	100.665.281.960	51.828.888.896
Đầu tư vào công ty con	251		49.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		50.980.000.000	50.980.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.000.000.000	3.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.314.718.040)	(2.151.111.104)
Tài sản dài hạn khác	260		336.122.442	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	336.122.442	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		117.439.812.367	118.582.715.654

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị: VND

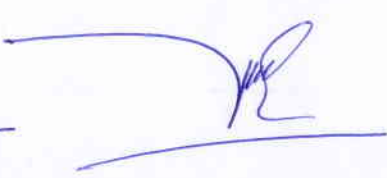
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020	01/01/2020
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.083.824.654	2.395.028.566
Nợ ngắn hạn	310		2.083.824.654	2.395.028.566
Phải trả người bán ngắn hạn	311		41.706.665	443.441
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.8	19.612.500	6.406.250
Phải trả người lao động	314		30.087.630	78.869.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.9	93.900.000	398.185.718
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	1.850.513.985	1.910.895.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		48.003.874	229.157
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		115.355.987.713	116.187.687.088
Vốn chủ sở hữu	410	5.11	115.355.987.713	116.187.687.088
Vốn góp của chủ sở hữu	411		114.000.000.000	114.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		114.000.000.000	114.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		497.638.934	497.638.934
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		472.910.044	472.910.044
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		385.438.735	1.217.138.110
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.034.567.393	(10.001.748.326)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(649.128.658)	11.218.886.436
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		117.439.812.367	118.582.715.654

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TIỀU THỊ BÍCH TRÂM

TIỀU THỊ BÍCH TRÂM

LÊ CHÍ LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Số 8 đường Hoàng Hoa Thám, phường 7, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	-	4.772.262.614
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	749.397.391
Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp DV (10=01-02)	10		-	4.022.865.223
Giá vốn hàng bán	11	6.2	-	3.942.405.998
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		-	80.459.225
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	627.464.478	10.680.154.794
Chi phí tài chính	22	6.4	164.067.648	(6.043.511.510)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	24	6.6	-	696.273.877
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.7	1.007.258.253	2.738.250.741
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		(543.861.423)	13.369.600.911
Thu nhập khác	31		95	245.621.018
Chi phí khác	32	6.5	105.267.330	77.765.122
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(105.267.235)	167.855.896
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(649.128.658)	13.537.456.807
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(649.128.658)	13.537.456.807

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





LÊ CHÍ LONG
TIÊU THỊ BÍCH TRÂM**TIÊU THỊ BÍCH TRÂM**

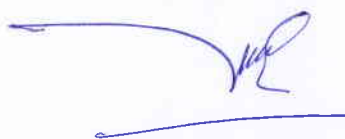
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		(649.128.658)	13.537.456.807
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		174.073.386	237.278.351
Các khoản dự phòng	03		163.606.936	(6.228.742.525)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(627.464.478)	(10.914.218.671)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(938.912.814)	(3.368.226.038)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		49.249.971.466	2.653.653.673
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		-	1.996.445.933
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(289.978.629)	733.205.663
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(336.122.442)	308.406.651
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	28.237.793.251
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.729.011.875	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(133.796.000)	(523.834.701)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		50.280.173.456	30.037.444.432
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		-	708.791.165
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(100.000.000)	(30.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	29.961.906.036
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(49.000.000.000)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		625.297.812	11.245.339.623
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(48.474.702.188)	11.916.036.824
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(69.000.000)	(34.160.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(69.000.000)	(34.160.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.736.471.268	41.919.321.256
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	20.685.282.321
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	3.196.702.782	62.604.603.577

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TIÊU THỊ BÍCH TRÂM

TIÊU THỊ BÍCH TRÂM



TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

LÊ CHÍ LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103006943 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 06 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 số 0305020995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 7 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VTJ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 115 tỷ đồng.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: kinh doanh thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Mua bán nguyên phụ liệu ngành thuốc lá, giấy, vật tư ngành in;
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành thuốc lá, phụ tùng máy móc ngành thuốc lá;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng tàu hỏa;
- Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Tư vấn đầu tư;
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Lập dự án đầu tư;
- Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản);
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy);
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

1.5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Kể từ Quý 3/2019 và cho đến thời điểm hiện tại, Công ty đã tạm ngừng hoạt động kinh doanh thuốc lá vì không có nguồn hàng phù hợp và hoạt động kinh doanh không hiệu quả, nhân sự trong Công ty cũng có sự thay đổi lớn. Do đó, kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 Công ty không phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.6. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2020 là 04 người (Tại 31/12/2019 là 05 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

Các công ty con tại ngày 30/6/2020, bao gồm:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ của Công ty mẹ tại công ty con		
			% vốn góp	% quyền biểu quyết	% lợi ích
1	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ VTJ	Số 92, Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	100,00%	100,00%	100,00%

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ VTJ là công ty con được thành lập dưới mô hình Công ty TNHH một thành viên vào ngày 06/4/2020 với mã số doanh nghiệp là 0109150860 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 06/4/2020. Vốn điều lệ đăng ký là 100 tỷ đồng.

Các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 30/6/2020, bao gồm:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ của Công ty mẹ tại công ty liên doanh, liên kết		
			% vốn góp	% quyền biểu quyết	% lợi ích
1	Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ Cao Thái Sơn	Nhà số 2, LKB6, Khu đô thị Mỗ Lao, Quận Hà Đông, Hà Nội	43,00%	43,00%	43,00%
2	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Long An	Số 39 Hai Bà Trưng, Phường 1, Thị xã Tân An, Tỉnh Long An	24,27%	24,27%	24,27%

1.7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/6/2020.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán được Chủ tịch Hội đồng quản trị áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

4.1 Giả định về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Kể từ Quý 3/2019 và cho đến thời điểm hiện tại, Công ty đã tạm ngừng hoạt động kinh doanh thuốc lá vì không có nguồn hàng phù hợp và hoạt động kinh doanh không hiệu quả, nhân sự trong Công ty cũng có sự thay đổi lớn. Do đó, kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 Công ty không phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Để hoàn thành kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Công ty đang tập trung tái cấu trúc, tiếp tục thực hiện đầu tư tài chính, tìm kiếm các đối tác phù hợp nhằm chuyển đổi chiến lược kinh doanh của Công ty.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Hội đồng quản trị Công ty tin tưởng rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động tối thiểu trong 12 tháng tới. Theo đó, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

4.2 Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Công ty con là những công ty mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách về tài chính và hoạt động. Trên Bảng cân đối kế toán riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc mỗi kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 35 năm
▪ Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08 năm
▪ Thiết bị quản lý	03 năm
▪ Tài sản cố định khác	08 năm

4.7 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến của Ban Tổng Giám đốc.

Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản nắm giữ để cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong 50 năm.

4.8 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một kỳ tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong kỳ tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.9 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng. Chi phí phải trả bao gồm: lãi vay phải trả và các khoản chi phí phải trả khác.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

4.13 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.14 Chi phí

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo, lỗ chênh lệch tỷ giá, lỗ do thanh lý các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá đầu tư và các khoản chi phí tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

4.16 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Các bên sau đây được xem là các bên có liên quan của Công ty:

Đối tượng

Quan hệ

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ VTJ
Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ Cao Thái Sơn
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Long An
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc

Công ty con
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Thành viên chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA
Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/6/2020</u> VND	<u>01/01/2020</u> VND
Tiền mặt	1.176.610	192.094.125
Tiền gửi ngân hàng	164.361.788	268.137.389
Các khoản tương đương tiền	3.031.164.384	1.000.000.000
Cộng	<u>3.196.702.782</u>	<u>1.460.231.514</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA
Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

5.2. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	49.000.000.000		-	-	01/01/2020	
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ VTJ	49.000.000.000	(*)	-	-	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	50.980.000.000	10.028.200.000	(2.314.718.040)	50.980.000.000	9.576.000.000	(2.151.111.104)
Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ Cao Thái Sơn	43.000.000.000	(*)	(2.314.718.040)	43.000.000.000	(*)	(2.151.111.104)
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Long An	7.980.000.000	10.028.200.000	-	7.980.000.000	9.576.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	3.000.000.000		-	3.000.000.000		-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	3.000.000.000	(*)	-	3.000.000.000	(*)	-
Cộng	102.980.000.000	10.028.200.000	(2.314.718.040)	53.980.000.000	9.576.000.000	(2.151.111.104)

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Long An trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Thông tin về công ty con của Công ty:

Tên công ty con	Nơi thành lập hoặc đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ VTJ	Hà Nội	100%	100%	Thương mại dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA
Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

Thông tin về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/6/2020:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tổng tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sản xuất Ứng dụng Công nghệ Cao Thái Sơn Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Long An	Nhà số 2, LKB6, Khu đô thị Mỗ Lao, Quận Hà Đông, Hà Nội Số 39 Hai Bà Trưng, Phường 1, Thị xã Tân An, Tỉnh Long An	43,00%	43,00%	Hoạt động tư vấn quản lý Sách và thiết bị giáo dục

Thông tin về các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty vào ngày 30/6/2020

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
-------------	---------	--------------	------------------------	----------------------------

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt
Số 117-119-121 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con và công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020	Năm 2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	(2.151.111.104)	-
Trích lập bổ sung dự phòng trong kỳ	(163.606.936)	(2.151.111.104)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	(2.314.718.040)	(2.151.111.104)

5.3. Phải thu khác

	30/6/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
Dự thu lãi tiền gửi, cho vay	1.166.666	-	-	-
Đặt cọc mua cổ phần	-	-	49.300.000.000	-
Tạm ứng	3.000.000	-	3.000.000	-
Phải thu khác	20.928.502	-	22.173.565	-
Cộng	25.095.168	-	49.325.173.565	-

5.4. Tài sản dở dang dài hạn

	30/6/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Xây dựng cơ bản dở dang				
Chi phí mua đất tại Khu 6B, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	4.793.750.000	4.793.750.000	4.793.750.000	4.793.750.000
Chi phí thiết kế văn phòng	83.635.200	83.635.200	83.635.200	83.635.200
Cộng	4.877.385.200	4.877.385.200	4.877.385.200	4.877.385.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	157.000.000	1.310.809.091	97.993.409	1.565.802.500
Mua sắm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(97.993.409)	-
Số dư cuối năm	157.000.000	1.310.809.091	-	1.467.809.091
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	52.333.344	554.108.718	97.993.409	704.435.471
Khấu hao trong năm	11.214.288	93.595.266	-	104.809.554
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(97.993.409)	-
Số dư cuối năm	63.547.632	647.703.984	-	711.251.616
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	104.666.656	756.700.373	-	861.367.029
Tại ngày cuối năm	93.452.368	663.105.107	-	756.557.475

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: Không
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: Không

5.6. Bất động sản đầu tư

	01/01/2020	Tăng	30/6/2020
	VND	VND	VND
Nguyên giá	8.027.593.669	-	8.027.593.669
Nhà	8.027.593.669	-	8.027.593.669
Giá trị hao mòn lũy kế	565.978.771	69.263.832	635.242.603
Nhà	565.978.771	69.263.832	635.242.603
Giá trị còn lại	7.461.614.898	(69.263.832)	7.392.351.066
Nhà	7.461.614.898	(69.263.832)	7.392.351.066

Nguyên giá bất động sản đầu tư chờ thanh lý: Không

Giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định lại vì không có giao dịch gần đây trên thị trường đối với bất động sản tương tự và cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

5.7. Chi phí trả trước

	30/6/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	336.122.442	-
Chi phí sửa chữa	336.122.442	-
Cộng	336.122.442	-

5.8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Phải nộp

	01/01/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	30/6/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập DN	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	6.406.250	40.093.096	26.886.846	19.612.500
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-
Cộng	6.406.250	40.093.096	26.886.846	19.612.500

Phải thu

	01/01/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số được hoàn trong năm VND	30/6/2020 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.729.011.875	-	2.729.011.875	-
Cộng	2.729.011.875	-	2.729.011.875	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA
Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

5.9. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>30/6/2020</u> VND	<u>01/01/2020</u> VND
Chi phí mua căn hộ Tây Nguyên Plaza	-	319.185.718
Chi phí phải trả khác	93.900.000	79.000.000
Cộng	<u>93.900.000</u>	<u>398.185.718</u>

5.10. Phải trả khác

	<u>30/6/2020</u> VND	<u>01/01/2020</u> VND
Ngắn hạn		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.841.895.000	1.910.895.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.618.985	-
Cộng	<u>1.850.513.985</u>	<u>1.910.895.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VINA TA BA
Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

5.11. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND		VND	VND	VND	VND	
Số dư 01/01/2019	114.000.000.000	497.638.934	472.910.044	(10.001.748.326)	104.968.800.652			
Lãi trong năm trước Trích lập các quỹ	-	-	-	-	11.218.886.436			11.218.886.436
Số dư 01/01/2020	114.000.000.000	497.638.934	472.910.044	1.217.138.110	116.187.687.088			
Lãi trong kỳ này Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	-	(649.128.658)			(649.128.658)
Số dư 30/6/2020	114.000.000.000	497.638.934	472.910.044	385.438.735	115.355.987.713			

(i) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 03/NQ-VNTB ngày 27/5/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/6/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát	17.100.000.000	17.100.000.000
Vốn góp của các cổ đông	96.900.000.000	96.900.000.000
Cộng	114.000.000.000	114.000.000.000

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 số 0305020995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 7 năm 2020, vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 115 tỷ đồng. Đến thời điểm 30/6/2020, số vốn điều lệ thực góp của Công ty là 114 tỷ đồng, đạt 99,13% vốn điều lệ đăng ký.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	114.000.000.000	114.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	114.000.000.000	114.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	30/6/2020 VND	01/01/2020 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.500.000	11.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.400.000	11.400.000
+ Cổ phiếu phổ thông	11.400.000	11.400.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.400.000	11.400.000
+ Cổ phiếu phổ thông	11.400.000	11.400.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính từ 01/01/2020 đến 30/6/2020:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019 VND
Doanh thu bán hàng	-	4.759.155.915
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	13.106.699
Cộng	-	4.772.262.614

6.2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019 VND
Giá vốn của hàng hóa	-	3.931.345.343
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	13.109.929
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(2.049.274)
Cộng	-	3.942.405.998

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	308.264.478	383.577.401
Cổ tức	319.200.000	-
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	-	10.296.577.393
Cộng	627.464.478	10.680.154.794

6.4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019 VND
Lãi tiền vay	-	57.156.990
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(6.226.693.251)
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	163.606.936	-
Chi phí tài chính khác	460.712	126.024.751
Cộng	164.067.648	(6.043.511.510)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

6.5. Chi phí khác

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019 VND
Chi phí khấu hao	69.263.832	-
Chi phí khác	36.003.498	77.765.122
Cộng	105.267.330	77.765.122

6.6. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019 VND
Chi phí nhân viên	-	407.537.865
Chi phí khấu hao	-	105.302.523
Chi phí bán hàng khác	-	183.433.489
Cộng	-	696.273.877

6.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019 VND
Chi phí nhân viên	436.500.260	1.209.919.883
Chi phí khấu hao tài sản cố định	104.809.554	131.975.828
Chi phí dịch vụ mua ngoài	155.580.000	834.819.230
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	310.368.439	561.535.800
Cộng	1.007.258.253	2.738.250.741

6.8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	50.380.915
Chi phí nhân công	436.500.260	1.617.457.748
Chi phí khấu hao	174.073.386	237.278.351
Chi phí dự phòng	-	(2.049.274)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	155.580.000	2.940.221.238
Chi phí khác bằng tiền	310.687.905	564.998.705
Cộng	1.076.841.551	5.408.287.683

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

6.9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng: Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ hiện hành	(*)	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành trong kỳ		-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-

(*) Chi tiết chi phí thuế TNDN hiện hành như sau:

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019 VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	(649.128.658)	13.537.456.807
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán	105.267.330	84.410.000
Các khoản điều chỉnh tăng	105.267.330	84.410.000
Các khoản điều chỉnh giảm	319.200.000	-
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	-	13.621.866.807
Lỗ năm trước chuyển sang	-	13.621.866.807
Thu nhập chịu thuế hiện hành	(863.061.328)	-
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả hiện hành	-	-
Thuế TNDN bị truy thu	-	-
Tổng thuế TNDN phải trả hiện hành	-	-

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

6.10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

7. THÔNG TIN VỀ BỘ PHẬN

Thông tin về bộ phận được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019 VND
Thù lao và tiền lương của Hội đồng quản trị	203.000.000	324.221.025
Thù lao và tiền lương của Ban kiểm soát	101.000.000	22.500.000
Cộng	304.000.000	346.721.025

Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019 VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ VTJ Chuyển tiền góp vốn	49.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Long An Nhận cổ tức	319.200.000	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Số 8, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

8.2 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 30/6/2019 của Công ty đã được soát xét.

8.3 Sự kiện quan trọng phát sinh sau kỳ tài chính

Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 (Được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) đã ra Nghị quyết số 08/NQ-VNTB ngày 28/7/2020. Theo đó, đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc thay đổi trụ sở chính của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vi Na Ta Ba về địa chỉ số nhà 24, ngách 1, ngõ 46, đường Phạm Ngọc Thạch, phường Phương Liên, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

8.4 Thông tin khác

Kể từ Quý 3/2019 và cho đến thời điểm hiện tại, Công ty đã tạm ngừng hoạt động kinh doanh thuốc lá vì không có nguồn hàng phù hợp và hoạt động kinh doanh không hiệu quả, nhân sự trong Công ty cũng có sự thay đổi lớn. Công ty đang tập trung tái cấu trúc, tiếp tục thực hiện đầu tư tài chính, tìm kiếm các đối tác phù hợp nhằm chuyển đổi chiến lược kinh doanh của Công ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU / KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TIÊU THỊ BÍCH TRÂM



LÊ CHÍ LONG

